BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 5793 /BTC-TCHQ	*Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2017*

V/v tham gia ý kiến Thông tư hướng dẫn điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan, nơi kiểm tra hàng hóa, kho chứa hàng vi phạm tại kho bãi địa điểm theo Nghị định 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 14625
Ngày: 9.5.17
Chuyển: ...

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Các Bộ và cơ quan ngang Bộ;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp Logistics Việt Nam.

Thực hiện quy định tại Luật Hải quan năm 2014, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ, Bộ Tài chính xây dựng, hoàn thiện nội dung dự thảo Thông tư hướng dẫn về điều kiện làm việc của hải quan, nơi kiểm tra hàng hóa, kho chứa hàng vi phạm tại kho bãi, địa điểm theo quy định tại Nghị định 68/2016/NĐ-CP ngày 1/72016 của Chính phủ.

Để sớm ban hành Thông tư và có hiệu lực từ 1/7/2017, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia đối với dự thảo Thông tư (gửi kèm), ý kiến tham gia đề nghị gửi bằng văn bản về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) trước **ngày 15/5/2017**, file mềm gửi vào thư điện tử: hoviethoan@customs.gov.vn.

Sau thời gian trên, trường hợp không nhận được ý kiến tham gia từ Quý cơ quan, Bộ Tài chính xin được coi như đã đồng ý với dự thảo Thông tư.

(Để biết thêm thông tin, tài liệu, đề nghị liên hệ đầu mối: Đ/c Hồ Viết Hoàn, ĐT: 0903 288 289).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TCHQ (02b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

Mục lục

THÔNG TƯ 2

Chương I 2

QUY ĐỊNH CHUNG 2

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 2

Điều 2. Đối tượng áp dụng 3

Điều 3. Giải thích từ ngữ 3

Chương II 4

QUY ĐỊNH CỤ THỂ 4

Điều 4. Văn phòng làm việc của cơ quan hải quan 4

Điều 5. Nơi kiểm tra thực tế hàng hóa 4

Điều 6. Kho chứa tang vật vi phạm 5

Điều 7. Vị trí lắp đặt ca-mê-ra giám sát 5

Điều 8. Vị trí, điều kiện mở rộng kho bãi, địa điểm 5

Điều 9. Hồ sơ, trình tự di chuyển kho bãi, địa điểm 6

Chương III 7

KIỂM TRA THỰC TẾ KHO BÃI, ĐỊA ĐIỂM 7

Điều 10. Thẩm quyền kiểm tra 7

Điều 11. Nội dung kiểm tra 7

Chương IV 7

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 7

Điều 12. Hiệu lực thi hành 7

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

Dự thảo 25/4/2017

THÔNG TƯ

Hướng dẫn điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan, nơi kiểm tra hàng hóa, lắp đặt trang thiết bị kiểm tra hải quan, kho chứa hàng tang vật vi phạm theo quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan, nơi kiểm tra hàng hóa, lắp đặt trang thiết bị kiểm tra hải quan, kho chứa hàng tang vật vi phạm theo quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan, nơi kiểm tra hàng hóa, nơi lắp đặt trang thiết bị kiểm tra hải quan, kho chứa hàng tang vật vi phạm tại cửa hàng miễn thuế, kho ngoại quan, kho bảo thuế, kho hàng không, kho hàng không kéo dài, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm làm thủ tục, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh

doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (dưới đây gọi tắt là kho bãi, địa điểm).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ.

Điều 3.Giải thích từ ngữ

1. Kho ngoại quan chuyên dùng là kho, bãi được sử dụng để lưu giữ, bảo quản một hoặc một số chủng loại hàng hóa có yêu cầu bảo quản đặc biệt như chất lỏng, hóa chất, hàng đông lạnh, hoặc hàng hóa phải được lưu giữ ở điều kiện nhiệt độ, ánh sáng và môi trường nhất định theo yêu cầu của nhà sản xuất.

2. Tài liệu chứng minh quyền sử dụng kho bãi, địa điểm gồm các giấy tờ sau:

a) Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận, mở rộng kho bãi, địa điểm, hoặc

b) Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ đất và Hợp đồng thuê, mượn đất trong trường hợp tổ chức cá nhân đi thuê, mượn đất để xây dựng kho bãi, địa điểm, hoặc

c) Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ đất và Hợp đồng thuê, mượn hoặc hợp tác liên danh kho bãi, nhà xưởng, hoặc

d) Bản sao Quyết định giao, cho thuê, mượn đất của cơ quan có thẩm quyền để xây dựng khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cảng, cửa khẩu, ga đường sắt và Hợp đồng tổ chức các nhân thuê, mượn lại đất, kho bãi, nhà xưởng của Ban quản lý các khu vực nêu trên.

3. Tang vật vi phạm trong Thông tư này được hiểu là tiền, hàng hóa, phương tiện bị cơ quan hải quan hoặc cơ quan có thẩm quyền tạm giữ, tịch thu theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc vật chứng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4.Văn phòng làm việc của cơ quan hải quan

Tổ chức, cá nhân kinh doanh kho bãi, địa điểm có nghĩa vụ đầu tư xây dựng văn phòng làm việc của cơ quan hải quan tại các kho bãi, địa điểm phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Vị trí: nằm trong diện tích khu vực kho bãi, địa điểm dự kiến, đã được công nhận hoặc nằm trong cùng một khu đất thuộc quyền sử dụng của Doanh nghiệp, thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát hải quan.

2. Có diện tích tối thiểu 20 m^2, được ngăn cách với khu vực xung quanh, đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

Đối với các địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa tập trung tại các cảng biển, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu quốc tế có lưu lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu lớn, văn phòng làm việc của hải quan có diện tích tối thiểu 50 m^2.

3. Trang thiết bị:

a) Máy tính cài đặt phần mềm quản lý, kết nối hệ thống quản lý của doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, địa điểm và kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan.

b) Thiết bị kết nối với hệ thống ca-mê-ra giám sát của tổ chức, cá nhân để theo dõi, lưu trữ, truy xuất và hiển thị hình ảnh tại tất cả các khu vực chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, cổng ra vào kho bãi, địa điểm.

c) Các trang thiết bị khác cần thiết phục vụ hoạt động của văn phòng (bàn, ghế, tủ đựng hồ sơ, ...).

d) Hạ tầng kỹ thuật (nguồn điện, điện chiếu sáng, hạ tầng công nghệ thông tin) đảm bảo điều kiện hoạt động.

Điều 5.Nơi kiểm tra thực tế hàng hóa

1. Tổ chức, cá nhân bố trí khu vực nằm trong diện tích khu vực kho bãi, địa điểm, thuận lợi cho cơ quan hải quan trong việc thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa, niêm phong hải quan.

2. Đối với địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung:

a) Trường hợp có tổng diện tích từ 03 héc-ta trở lên: bố trí khu vực hoạt động của máy soi công-tê-nơ cần diện tích tối thiểu là: 40m x 50m = 2.000 m^2 để đảm bảo về an toàn phóng xạ và hoạt động soi chiếu. Trong thời gian máy soi công-tê-nơ chưa được điều động đến khu vực dự kiến để kiểm tra hoặc không được sử dụng để kiểm tra bằng phương pháp thủ công thì doanh nghiệp vẫn sử dụng khu vực trên cho hoạt động khai thác, kinh doanh của kho bãi, địa điểm.

b) Trường hợp có tổng diện tích dưới 03 héc-ta: bố trí khu vực có diện tích tối thiểu là 200 m^2 để kiểm tra thực tế hàng hóa và trang thiết bị kiểm tra, giám sát hải quan.

Điều 6.Kho chứa tang vật vi phạm

1. Kho chứa hàng hóa tang vật vi phạm có diện tích tối thiểu 30 m^2, tách biệt với kho chứa hàng hóa khác, có thể được xây dựng nằm trong kho chứa hàng hóa tại địa điểm dự kiến hoặc đã được công nhận, nhưng phải đảm bảo chế độ niêm phong hải quan và tính nguyên trạng của hàng hóa trong quá trình lưu giữ.

2. Đối với địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung có quy mô lớn trên 03 héc-ta: tổ chức, cá nhân bố trí khu vực bãi riêng có diện tích tối thiểu 200 m^2 để lưu giữ phương tiện, container chứa hàng vi phạm. Tổ chức, cá nhân được sử dụng khu vực kho bãi dự kiến chứa hàng vi phạm để lưu giữ, khai thác hàng hóa trong trường hợp khu vực bãi trên không chứa hàng vi phạm.

3. Đối với địa điểm kiểm tra, giám sát tập trung hàng bưu chính và hàng chuyển phát nhanh, kho chứa hàng vi phạm có diện tích tối thiểu 10 m^2.

Điều 7.Vị trí lắp đặt ca-mê-ra giám sát

Tổ chức, cá nhân kinh doanh kho bãi, địa điểm bố trí, lắp đặt ca-mê-ra tại các khu vực sau:

1. Cổng ra, vào kho bãi địa điểm;

2. Cửa kho và khu vực chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

3. Nơi kiểm tra thực tế hàng hóa.

Điều 8.Vị trí, điều kiện mở rộng kho bãi, địa điểm

1. Kho bãi, địa điểm đề nghị mở rộng đáp ứng các điều kiện sau:

a) Nằm trong địa giới hành chính hoặc tiếp giáp với khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập, công nhận;

b) Nằm trong cùng một khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu vực cửa khẩu, ga đường sắt liên vận quốc tế với kho bãi, địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền thành lập, công nhận;

c) Cùng một Đội/Chi cục Hải quan nơi đang quản lý kho bãi, địa điểm đã được công nhận trước đó.

2. Trường hợp mở rộng kho bãi, địa điểm (bao gồm cả trường hợp kho bãi, địa điểm đã được công nhận trước thời điểm Nghị định số 68/2016/NĐ-CP có hiệu lực), ngoài hồ sơ quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sử dụng kho bãi, địa điểm, chứng nhận phòng cháy chữa cháy (hoặc biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất còn hiệu lực, có xác nhận đáp ứng về phòng cháy chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền) đối với phần diện tích mở rộng. Riêng phần mềm quản lý hàng hóa nhập – xuất – tồn, hệ thống ca-mê-ra giám sát phải được xây dựng, lắp đặt cho toàn bộ kho bãi, địa điểm bao gồm phần mở rộng đảm bảo quan sát 24/24h, tại tất cả các vị trí trong kho bãi, địa điểm.

3. Dữ liệu quản lý hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra và hình ảnh ca-mê-ra quan sát được chia sẻ quyền truy cập, kết nối trực tuyến cho hải quan quản lý kho bãi, địa điểm và hệ thống xử lý dữ liệu tập trung của cơ quan hải quan thông qua chuẩn kết nối trao đổi dữ liệu theo Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

4. Dữ liệu hình ảnh ca-mê-ra có thể được lưu trữ trên một hoặc nhiều thiết bị khác nhau nhưng phải được chia sẻ quyền truy cập, kết nối với cơ quan hải quan, đảm bảo kết xuất, sao lưu để báo cáo cho cơ quan hải quan liên tục trong thời gian tối thiểu 12 tháng tính đến thời điểm báo cáo định kỳ hoặc đến thời điểm kiểm tra của cơ quan hải quan.

Điều 9.Hồ sơ, trình tự di chuyển kho bãi, địa điểm

1. Hồ sơ, trình tự thực hiện tương tự như trường hợp công nhận mới quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ.

2. Trường hợp vị trí di chuyển đến đủ điều kiện hoạt động theo quy định, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quyết định di chuyển kho bãi, địa điểm đến vị trí mới, đồng thời chấm dứt hiệu lực kho bãi, địa điểm theo quyết định đã được thành lập, công nhận trước đó.

Chương III
KIỂM TRA THỰC TẾ KHO BÃI, ĐỊA ĐIỂM

Điều 10.Thẩm quyền kiểm tra

Cục Giám sát quản lý về hải quan (Tổng cục Hải quan) trực tiếp thực hiện kiểm tra hoặc ủy quyền bằng văn bản cho Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố nơi quản lý kho bãi, địa điểm thực hiện việc kiểm tra.

Điều 11. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, kho bãi, địa điểm với thực tế, hiện trạng khu đất, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý, hệ thống lưu trữ hình ảnh, ca-mê-ra giám sát, Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

2. Kết thúc kiểm tra, các bên tiến hành ký biên bản ghi nhận nội dung kiểm tra theo các tiêu chí tại mẫu số 01/BBKT/GSQL ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12.Hiệu lực thi hành

1.Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2017.

2. Đối với các kho bãi, địa điểm đang được hoạt động theo các văn bản hướng dẫn hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền trước thời điểm Nghị định số 68/2016/NĐ-CP có hiệu lực, nhưng không đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư này và Nghị định số 68/2016/NĐ-CP thì cơ quan Hải quan sẽ ra quyết định tạm dừng, chấm dứt hoạt động.

3. Đối với kho ngoại quan được tiếp tục hoạt động khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Ngoài việc đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 10 Nghị định 68/2016/NĐ-CP và các điều kiện quy định tại Thông tư này, tổng diện tích không yêu cầu 5.000 m^2, nhưng kho chứa hàng phải có diện tích tối thiểu 1.000 m2;

b) Chứa nguyên liệu, vật tư, linh kiện, phụ tùng phục vụ hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu, gia công.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản mới./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT; TCHQ (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

TỔNG CỤC HẢI QUAN **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KIỂM TRA (1)**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.....	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20....*

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Căn cứ quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số ...../2017/TT-BTC ngày.... của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ;

Hôm nay, vào hồi ....., ngày..... tháng.... năm 20..., tại địa điểm .... (2)

Thành phần gồm:

I/Đại diện cơ quan hải quan (3)

- Ông (bà) ....., chức vụ....., đơn vị.....
- Ông (bà) ....., chức vụ....., đơn vị.....
- Ông (bà) ....., chức vụ....., đơn vị.....

II/Đại diện tổ chức cá nhân

- Ông (bà) ....., chức vụ....., đơn vị.....
- Ông (bà) ....., chức vụ....., đơn vị.....

Hai bên đã tiến hành lập biên bản khảo sát các điều kiện theo quy định tại Điều ..... Nghị định số 68/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ kho bãi địa điểm: .....

2. Địa điểm, diện tích: (4).

3. Trang thiết bị:

3.1. Mô tả cơ sở vật chất: (5)

3.2. Hệ thống camera giám sát: (6).

3.3. Hệ thống điện chiếu sáng: (7).

3.4. Hệ thống phòng cháy chữa cháy: (8).

3.5. Về phần mềm quản lý hàng hoá ra vào kho bãi, địa điểm: (9).

3.6 .Trang thiết bị khai thác hàng hóa trong kho bãi, địa điểm: (10)

4. Quy chế hoạt động kho bãi, địa điểm:(11).

5. Chi cục/Đội thuộc Chi cục trực tiếp quản lý: (12).

III/ Kiến nghị của Đoàn kiểm tra

….. (13)…

Việc kiểm tra thực tế kho bãi địa điểm được các bên phối hợp thực hiện đúng quy định, không gây phiền hà, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Biên bản được kết thúc vào hồi….giờ…phút ngày……., đã được các bên thông qua, nhất trí và ký tên. Biên bản được lập thành …. bản có giá trị pháp lý như nhau, đại diện Đơn vị kiểm tra …..(14) giữ 01 bản, đại diện doanh nghiệp giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA**

Hướng dẫn các chỉ tiêu thông tin

(1). Cục Giám sát quản lý về Hải quan hoặc Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi quản lý kho bãi địa điểm.

(2). Nêu cụ thể nơi kiểm tra thực tế kho bãi địa điểm và nơi lập biên bản.

(3). Trường hợp Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý) trực tiếp kiểm tra thì có thể thêm đại diện của Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi quản lý kho bãi, địa điểm.

(4). Nêu cụ thể địa điểm, diện tích (chi tiết kho chứa hàng, kho chứa hàng vi phạm, bãi, công trình phụ trợ) và thông tin về các quyết định trước của nơi dự kiến công nhận, mở rộng, thu hẹp, di chuyển, tạm dừng, chấm dứt.

(5). Mô tả chi tiết kết cấu (quy cách, phẩm chất, chất liệu) của nhà kho chứa hàng hóa, kho chứa hàng vi phạm, tường rào xung quanh bãi, các công trình phụ trợ.

(6). Nêu cụ thể số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, tính năng, hệ thống lưu trữ, báo cáo hình ảnh của hệ thống camera giám sát.

(7). Nêu cụ thể hiện trạng hệ thống điện chiếu sáng, đánh giá với điều kiện làm việc, kiểm tra, giám sát của Hải quan.

(8). Nêu cụ thể Hệ thống phòng cháy chữa cháy (số quyết định, cơ quan cấp, ngày tháng, hiệu lực).

(9). Mô tả chi tiết phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu trữ, khả năng báo cáo nhập – xuất – tồn tại mọi thời điểm.

(10). Nêu cụ thể các trang thiết bị, máy móc bị phục vụ hoạt động của kho: máy in, phô tô, xe nâng, cân, công cụ dụng cụ phục vụ thực hiện các dịch vụ được phép hoạt động trong kho bãi, địa điểm dự kiến công nhận, mở rộng...

(11). Mô tả quy chế hoạt động của kho bãi, địa điểm.

(12). Trường hợp kho bãi, địa điểm được không nhận mới hoặc đề nghị di chuyển đến nơi mới khác đơn vị hải quan đã quản lý trước đây thì Đơn vị hải quan nơi quản lý dự kiến giao Chi cục/Đội thuộc Chi cục (nêu cụ thể mã địa điểm Chi cục, Đội trên hệ thống) quản lý.

(13). Kiến nghị, kết luận cụ thể thực tế kiểm tra đối chiếu với điều kiện quy định tại Nghị định 68/2016/NĐ-CP và Thông tư này.

(14). Trường hợp Cục Giám sát quản lý về Hải quan trực tiếp kiểm tra thì lập thành 03 bản, đại diện Cục Giám sát quản lý về Hải quan giữ 01 bản, đại diện Cục Hải quan nơi quản lý giữ 01 bản, đại diện doanh nghiệp giữ 01 bản.